TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN TỊNH** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **124/**2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24/9/2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn và nghĩa vụ trả nợ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TỊNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thượng Trọng Ký

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân
2. Ông Lê Thành Long

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Đại Nghĩa**- là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công H- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 67/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 05 năm 2020 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn và nghĩa vụ trả nợ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2020/QĐST- HNGĐ ngày 18/9/2020, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị M**, sinh năm 1985;

2- Bị đơn: Anh **Trang Thanh Tr**, sinh năm 1984;

Đều có cùng địa chỉ: Đội 16, thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

3- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ngân hàng C**.

Địa chỉ: 169 Phố LĐ, phường H, quận H, thành phố Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th – Tổng giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng S– Giám đốc phòng giao dịch NHC huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; (theo Quyết định ủy quyền số 7300/QĐ-NHC ngày 19/9/2019 của Tổng giám đốc NHC về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án).

Ông Nguyễn Hoàng S ủy quyền lại cho ông Lê Tôn N– Phó Giám đốc Phòng giao dịch NHC huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Theo Quyết định ủy quyền ngày 23/6/2020.

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị M có mặt, anh Tr vắng mặt không có lý do; đại diện của Ngân hàng C có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10- 5- 2020, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng chị tự tìm hiểu rồi kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi vào 23- 02 -2009. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống với nhau anh Tr đối xử không tốt với Chị. Từ cuối năm 2011 đến nay thì cuộc sống chung của vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Nguyên nhân là do anh Tr thường xuyên lăng mạ, đánh đập Chị, mặc dù Chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh Tr vẫn không thay đổi tính tình. Nay Chị thấy tình cảm giữa Chị và anh Tr không còn. Chị đã hai lần gởi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện S yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn với anh Tr nhưng anh Tr hứa sẽ sửa đổi nên Chị rút đơn về chung sống. Đến nay anh Tr vẫn không thay đổi nên chị M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Trang Thanh Tr.

Về con chung: Có 02 người con chung tên là Trang Thị Thu L, sinh ngày 03/7/2009; Trang Thành L1, sinh ngày 13/8/2012. Khi ly hôn chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con, Chị yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi cháu L1 mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa hôm nay chị Bùi Thị M yêu cầu anh Trang Thanh Tr cấp dưỡng nuôi cháu Trang Thị Thu L mỗi tháng là 1.000.000 đồng và cấp dưỡng cho cháu Trang Thành L1 mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 10 năm 2020.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ của Ngân hàng C số tiền nợ gốc và nợ lãi là 63.610.846 đồng (tạm tính đến ngày 24/9/2020). Khi ly hôn chị M tự nguyện trả nợ số tiền trên cho Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng tại địa chỉ cư trú, mà anh Trang Thanh Tr không trình bày ý kiến, không đến Tòa và tại phiên tòa hôm nay anh Tr cũng vắng mặt không có lý do.

Ngân hàng C yêu cầu: Tòa án giải quyết buộc chị Bùi Thị M và anh Trang Thanh Tr trả cho Ngân hàng số tiền là 63.610.846 đồng (tạm tính đến ngày 24/9/2020). Trong đó: Nợ gốc: 63.400.000 đồng; nợ lãi: 210.846 đồng. Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của Ngân hàng C đồng ý để chị Bùi Thị M trả số nợ trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình

giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt không có lý do trong quá trình tham gia tố tụng là chưa thực hiện đầy đủ quy định với Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147 và 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự;. Các Điều 51, Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84, 110,116 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 463, 466; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 91, 95, 96 của Luật các Tổ chức Tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị M.

- Về quan hệ hôn nhân: giải quyết cho chị Bùi Thị M với anh Trang Thanh Tr ly hôn;

- Về con chung: Giao cho chị M được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung tên là Trang Thị Thu L, sinh ngày: 03/7/2009; Trang Thành L1, sinh ngày 13/8/2012. Anh Trang Thanh Tr cấp dưỡng nuôi con Trang Thị Thu L mỗi tháng là 1.000.000 đồng và Trang Thành L1 mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 10 năm 2020.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Đề nghị HĐXX tuyên chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng C tuyên buộc chị Bùi Thị M phải trả cho Ngân hàng C số tiền nợ gốc, nợ lãi là 63.610.846 đồng (tạm tính đến ngày 24/9/2020) và số tiền nợ lãi phát sinh.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Tuyên buộc chị M, anh Tr phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**] Về tố tụng: Tranh chấp giữa các bên là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, và nghĩa vụ trả nợ". Căn cứ theo quy định của khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị Bùi Thị M có mặt, anh Trang Thanh Tr đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xét xử vắng mặt anh Tr là đúng quy định với Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[**2**] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị M và anh Trang Thanh Tr tự tìm hiểu rồi kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi vào 23- 02- 2009. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị

M có yêu cầu ly hôn, Toà án thụ lý giải quyết theo thủ tục chung là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[**3**] Xét yêu cầu ly hôn của chị M, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh chị sống không hợp nhau, không xây dựng hạnh phúc gia đình được và hiện nay chị M và anh Tr phần ai nấy sống, không quan tâm lẫn nhau, chị M đã nhiều lần gửi đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn đến Tòa án nhưng lại rút đơn để cho anh Tr sửa đổi tính tình, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng anh Tr vẫn không thay đổi gì. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ ngày Tòa án thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tổ chức phiên họp hòa giải nhưng anh Tr vắng mặt không có lý do, không có giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ anh Tr không còn mong muốn xây dựng hạnh phúc gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M là phù hợp.

[**4**] Về con chung: Xét thấy chị M hiện đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con là Trang Thị Thu L, sinh ngày: 03/7/2009; Trang Thành L1, sinh ngày 13/8/2012. HĐXX xét thấy để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu, cần giao cho chị M được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Tr cấp dưỡng nuôi cháu L và cháu L1 mỗi cháu mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp.

[**5**] Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu nên không giải quyết.

[**6**] Về nợ chung: Tuyên buộc chị Bùi Thị M và anh Trang Thanh Tr trả cho Ngân hàng C số tiền là 63.610.846 đồng (tạm tính đến ngày 24/9/2020) và số tiền nợ lãi phát sinh. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị M và Ngân hàng C cho chị M trả số nợ nêu trên. Đồng thời, chị M còn phải có trách nhiệm và tiếp tục trả toàn bộ lãi, lãi quá hạn phát sinh theo cho đến khi trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng C.

[**7**] Về án phí: Chị M chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm phần ly hôn và 3.181.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm phần nợ chung; anh Tr chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm phần cấp dưỡng nuôi con.

[**8**] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, khoản 1 Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Áp dụng các Điều 463, 466; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 91, 95, 96 của Luật các Tổ chức Tín dụng; Nghị quyết 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị M đối với anh Trang Thanh Tr. Chị Bùi Thị M được ly hôn với anh Trang Thanh Tr.

2. Về con chung: Giao chị Bùi Thị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con là Trang Thị Thu L, sinh ngày 03/7/2009; Trang Thành L1, sinh ngày 13/8/2012. Anh Trang Thanh Tr cấp dưỡng nuôi con Trang Thị Thu L mỗi tháng 1.000.000 đồng và Trang Thành L1 mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10 năm 2020.

Anh Tr có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có lý do chính đáng, chị M, anh Tr có thể thỏa thuận giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

4. Về nợ chung: Buộc chị Bùi Thị M trả cho Ngân hàng C số tiền là số tiền là 63.610.846 đồng (tạm tính đến ngày 24/9/2020) và số tiền nợ lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng C.

5. Về án phí:

- Chị Bùi Thị M chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm phần ly hôn và 3.181.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm phần nợ chung. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2018/0002053 ngày 20- 5-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, chị M còn phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm phần nợ chung là 3.181.000 đồng.

- Anh Trang Thanh Tr phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm phần cấp dưỡng nuôi con;

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng bên phải thi hành án phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong. Lãi suất phát sinh chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/9/2020). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của

Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thượng Trọng Ký

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện S,
tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS huyện S,
tỉnh Quảng Ngãi;
- Ủy ban nhân dân xã T,
huyện S, tỉnh Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu: Án văn; hồ sơ vụ án.